



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
Tuần 18: từ ngày 09/12/2024 đến ngày 15/12/2024

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K9-DVTY P.THCN	Sáng		KTNPTB cho trâu bò (Hung) 4	Khuyến nông (Luu) 4	DD thức ăn CN (Vân) 4	
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho trâu bò (Hung) 3	GPSL vật nuôi (H.Nga) 4	Khuyến nông (Luu) 4	KTNPTB cho trâu bò (Hung) 4	DD thức ăn CN (Vân) 4
K10-DVTY P.THCN	Sáng	GPSL vật nuôi (Hằng) 4	DD và thức ăn CN (Vân) 4	GPSL vật nuôi (Hằng) 4	Giống vật nuôi (H.Nga) 4	Bảo vệ môi trường (Hoà) 4
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Bảo vệ môi trường (Hoà) 3	Dược lý TY (Lệ) 4	Dược lý TY (Lệ) 4	Vệ sinh thú y (Duyên) 4	Vệ sinh thú y (Duyên) 4
K10-KHCT P.THTT	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Phân bón (Huệ) 3	Sinh lý thực vật (Huyền) 4	Phân bón (Huệ) 4	Tiếng anh (Linh) (P.101) 4	Tiếng anh (Linh) 4 Pháp luật (Huyền)
	Chiều					
K9-KTDN K10-KTDN	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Lý thuyết KT (P.Thảo) (P.306) 3		Lý thuyết KT (P.Thảo) 4 (P.306)	Nguyên lý Thống kê (Hoa) 4 (P.306)	Nguyên lý Thống kê (Hoa) 4 (P.306)
	Chiều	Soạn thảo VB (Mai) 4 (P.202)	Soạn thảo VB (Mai) 4 (P.202)	Kinh tế chính trị (Quế) 4 (P.103)	Phân tích HĐKD (Nga) 4 (P.202)	Phân tích HĐKD (Nga) 4 (P.202)
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT63A1 P.203	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 3	Cây rau (Huệ) 4	Khí tượng NN (Lịch) 4	Cây dược liệu (Bình) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4
	Chiều					
CNTY63A3	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Quản trị kinh doanh (Thuý) (P.103) 3	KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4 (Thực hành)	KTNPTB cho lợn (Quyên) 4 (P.A202)	Quản trị kinh doanh (Thuý) 4 (P.A301)	Luật thú y (Nga) 4 (P.A202)
	Chiều					
CNTY63A4 P.205	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	KTNPTB cho chó mèo (Quyên) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	Ký sinh trùng TY (Phượng) 4	KTNPTB cho chó mèo 4 (Quyên)
	Chiều					
KTDN63A P.204	Sáng					Kế toán DN1 (P.Thảo) 4
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 KTDN 2 (Dung) 3	KTDN 2 (Dung) 4	THKT trong DNSX (T.Thảo) 4	Kế toán NSXP (Hoa) 4	

CNTT63A2 P.TH	Sáng						
	Chiều		Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4			
TT64A1 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Giống cây trồng (Huyền) 3	Đất và phân bón (Hương) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Tiếng anh (Linh) 2 Pháp luật (Huyền) 2	
	Chiều						
CNTY64A1 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Khuyến nông (Tuyết) 3	Tiếng anh (K.Nhung) 4	GD chính trị (Tài) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4	GPSL vật nuôi (Hằng) 4	
	Chiều				GPSL vật nuôi (Hằng) 4		
CNTY64A3 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Giáo dục QP-AN (Mạnh) 3	GPSL vật nuôi (Hằng) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Giáo dục QP-AN (Mạnh) 4	Giáo dục QP-AN (Mạnh) 4	
	Chiều				GD Chính trị (Quế) 4		
KTDN64A1 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 GDTC (Hội) 3	Lý thuyết KT (P.Thảo) 4	Nguyên lý TK (Hoa) 4	Lý thuyết KT (P.Thảo) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4	
	Chiều	Nguyên lý TK (Hoa) 4		Kinh tế chính trị (Quế) 4		Kinh tế vi mô (Thủy) 4	
KTDN64A2 P.306	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Lý thuyết KT (P.Thảo) 3	Tiếng anh (Linh) 4	Lý thuyết KT (P.Thảo) 4	Nguyên lý Thống kê (Hoa) 4	Nguyên lý Thống kê (Hoa) 4	
	Chiều			Tiếng anh (Linh) 4	Kinh tế chính trị (Tài) 4	Tiếng anh (Linh) 4	
CNTT64A1 P.Hội thảo	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 Tiếng anh (K.Nhung) 3	Cơ sở dữ liệu (Trường) 4	GD Chính trị (Quế) 4	GD Chính trị (Quế) 4	Bảng tính Excel (Hà) 4	
	Chiều				Bảng tính Excel (Hà) 4	Tiếng anh (K.Nhung) 4	
CNTT64A2 P.A202	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 GD Chính trị (Quế) 3	Kỹ năng mềm (Son) 2 Tiếng anh (Phiên) 2	Cơ sở dữ liệu (Trường) 4	Tiếng anh (Phiên) 4	Bảng tính Excel (Thảo) 4	
	Chiều				Bảng tính Excel (Thảo) 4	GD Chính trị (Quế) 4	
ĐCN63A1 P.A102	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 Trang bị điện (Đ.Đức) 3	KT điện tử (Dương) 4	KT điện tử (Dương) 4	Trang bị điện (Đ.Đức) 4		
ĐCN63A2 P.A103	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp 1 KT điện tử (Giáp) 3	KT điện tử (Giáp) 4	KT điện tử (Giáp) 4	Trang bị điện (Nga) 4		
ĐCN64A1 P.A102	Sáng	Sinh hoạt lớp 1 GDTC (Thủy) 3	Vẽ KT điện (N.Đức) 4	Vẽ KT điện (N.Đức) 4	Vẽ KT điện (N.Đức) 4	GD Chính trị (Quế) 4	
	Chiều						

ĐCN64A2 P.A103	Sáng	Sinh hoạt lớp Vẽ KT điện (N.Đức)	1 3	Vật liệu điện (Huân)	4	GDTC (Hội) Pháp luật (Huyền)	2 2	An toàn điện (Tuấn)	4	GD chính trị (Tài) GDTC (Hội)	2 2
	Chiều										
ĐCN64A3 P.A301	Sáng	Sinh hoạt lớp Vật liệu điện (Đ.Đức)	1 3	GD Chính trị (Quế)	4	Vật liệu điện (Đ.Đức)	4	Tin học (Thoa)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4
	Chiều										
ĐCN 63B	Sáng										
	Chiều	KT điện tử (Dương)	4	Trang bị điện (Nga)	4	Trang bị điện (Nga)	4			KT điện tử (Dương)	4
ĐCN64B	Sáng			Mạch điện (Huyền)	4	Vật liệu điện (Huân)	4	Mạch điện (Huyền)	4	Mạch điện (Huyền)	4
	Chiều	Vật liệu điện (Huân)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4			Vẽ KT điện (N.Đức)	4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4
TL63	Sáng										
	Chiều	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4	Duy tu BDCTTL (Hoà)	4			Duy tu BDCTTL (Hoà)	4
TL64B	Sáng			Bảo vệ môi trường (Hoà)	4	Cơ kỹ thuật (Huyền)	4	Bảo vệ môi trường (Hoà)	4	Bảo vệ môi trường (Hoà)	4
	Chiều	Bảo vệ môi trường (Hoà)	4	Cơ kỹ thuật (Huyền)	4			Cơ kỹ thuật (Huyền)	4	Cơ kỹ thuật (Huyền)	4
KTDN64B	Sáng			Nguyên lý Marketing (Dung)	4	Nguyên lý thống kê (Mai)	4	Kinh tế chính trị (Thủy)	4	Nguyên lý Marketing (Dung)	4
	Chiều	Kinh tế chính trị (Thủy)	4	Nguyên lý Marketing (Dung)	4			Nguyên lý thống kê (Mai)	4	Nguyên lý Marketing (Dung)	4
KTDN63B	Sáng	THKT trong DNSX (Dung)	4	Kế toán DN 2 (T.Thảo)	4					Kế toán DN 2 (T.Thảo)	4
	Chiều	Kế toán DN 2 (T.Thảo)	4	Tin học kế toán (Mai)	4	Kế toán DN 2 (T.Thảo)	4			Tin học kế toán (Mai)	4
CBBQ63	Sáng										
	Chiều	CB nước mắm (Liên)	4	CB nước mắm (Liên)	4	CB nước mắm (Liên)	4			KT điện tử (Năm)	4
CBBQ64	Sáng			Vi sinh vật TP (Liên)	4	Vi sinh vật TP (Liên)	4	KT lạnh cơ sở (Năm)	4	Vệ sinh XNCBTS (Liên)	4
	Chiều							Vi sinh vật TP (Liên)	4		
KTMTT64	Sáng					Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4
	Chiều										

KTMTT63	Sáng					
	Chiều			BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông)	4	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 4
ĐKTB63	Sáng					
	Chiều			Khí tượng hải dương (Tiền)	4	Khí tượng hải dương (Tiền) 4
NTTS64	Sáng		KS, TKCT nuôi TS (Ánh)	4	KS, TKCT nuôi TS (Ánh)	4
	Chiều	KS, TKCT nuôi TS (Ánh)	4			

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
LỚP							
TT63A2	Sáng			Sinh hoạt lớp	1	Khí tượng NN (Huyền)	
TT64A3				Cây rau (Huệ)	4		
P.101	Chiều	Cây rau (Huệ)	4	Cây rau (Huệ)	4		
TT64A2	Sáng			Sinh hoạt lớp	1	Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4
				Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4		
	Chiều			Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP-AN (Mạnh)	4
CN63A2	Sáng	KTNPTB cho chó mèo (Phượng)	4	Sinh hoạt lớp	1	KTNPTB cho trâu bò (Hung)	4
CN64A2				CD và ĐTH Thú y (Vân)	4		
P.A303	Chiều	Luật thú y (Nga)	4	Ký sinh trùng TY (Lệ)	4		

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



*Đoàn Văn Lưu



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỞNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 18: từ ngày 09/12/2024 đến ngày 15/12/2024

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH62B3 P.201	Sáng	HĐTN (Phượng) 1 Sinh học (Phượng) 3	Toán (Nhưng) 4 (Ôn tập)	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	GDKT và PL (Quyên) 4 (Ôn tập)	Toán (Nhưng) 4
	Chiều		CDLC Địa lý (Thủy) 4		CDLC Ngữ văn (Hằng) 4	
VH62B4	Sáng	HĐTN (Quyên) 1 GDKT và PL (Quyên) 3	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	Hoá học (Vân) 4	Toán (Nhưng) 4 (Ôn tập)	Lịch sử (Hà) 4 (Ôn tập)
	Chiều	Ngữ văn (Hằng) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Lịch sử (Hà) 4	Vật lý (Hoà) 4	Toán (Nhưng) 4
VH62B5 P.104	Sáng	HĐTN (Quý) 1 CDLC Ngữ văn (Hằng) 3	Ngữ văn (Hằng) 4 (Ôn tập)	Địa lý (Ngọc) 4 (Ôn tập)	Toán (Quý) 4 (Ôn tập)	CDLC GDKT và PL (Thị) 2 Địa lý (Ngọc) 2
	Chiều		Địa lý (Ngọc) 2 Toán (Quý) 2		Địa lý (Thủy) 4	
VH63B1	Sáng			HĐTN (Nhưng) 1 Toán (Nhưng) 3	CDLC Ngữ văn (Hằng) 4	
	Chiều				Lịch sử (Hà) 4	
VH63B5 P.A101	Sáng	HĐTN (Quế) 1 CDLC (Ngữ văn (Hương) 3		Lịch sử (Dự) 4	CDLC Địa lý (Thủy) 4	Lịch sử (Dự) 4
VH63B6 P.A303	Sáng	HĐTN (Hoà) 1 Hoá học (Vân) 3	Lịch sử (Dự) 4		Lịch sử (Dự) 4	Toán (Quý) 4 (P.A202)
VH63B7 P.A302	Sáng	HĐTN (Nga) 1 Toán (Quý) 3	Vật lý (Vân) 3			
	Chiều					Lịch sử (Dự) 4
VH63B8 P.204	Sáng	HĐTN (K.Nhung) 1 Lịch sử (Dự) 3	Sinh học (Phượng) 2 Vật lý (Hoà) 2	Vật lý (Hoà) 3	Địa lý (Nhài) 4	



VH63B3 P.203	Chiều	HĐTN (Hà) Lịch sử (Dự)	1 3	GDKT và PL (Quyên) Sinh học (Phượng)	2 2	Lịch sử (Dự)	4	Toán (Thảo)	4		
VH63B4 P.205	Chiều	HĐTN (Dự) Sinh học (Phượng)	1 2	CĐLC Lịch sử (Dự)	4	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Địa lý (Chung)	4		
VH64B1	Sáng	Lịch sử (Hà)	4								
	Chiều					Toán (Hương) CĐLC Ngữ văn (Hằng)	2 2				
VH64B2 P.101	Chiều	HĐTN (P.Nga) CĐLC Ngữ văn (H.Hà)	1 3	Hoá học (Vân) Sinh học (Hồng)	2 2			Lịch sử (Giang)	4	CĐLC GDKT và PL (Tài) Sinh học (Hồng)	2 2
VH64B3 P.A202	Chiều	HĐTN (Vân) Vật lý (Hoà)	1 3	Ngữ văn (Tâm)	4	CĐLC Ngữ văn (Tâm)	4				
VH64B4 P.A101	Chiều	HĐTN (Nga) CĐLC Địa lý (Nga)	1 3	Toán (P.Anh) GDKT và PL (Thủy)	2 2	Lịch sử (Giang)	4	Lịch sử (Giang)	4	CĐLC Ngữ văn (Tâm) Hoá học (Hà)	2 2
VH64B5 P.A301	Chiều	HĐTN (Hoà) Hoá học (Hà)	1 3	Lịch sử (Giang)	4	Địa lý (Nga)		Địa lý (Nga)	4	CĐLC Ngữ văn (Lý)	4
VH64B6 P.103	Chiều	HĐTN (H.Hà) Sinh học (Phượng)	1 3	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2						
VH64B7 P.306	Chiều			HĐTN (Linh) Hoá học (Hà)	1 3			Sinh học (Phượng) GDKT và PL (Quyên)	2 2		
VH64B8 P.102	Chiều	HĐTN (Phiên) Sinh học (Hồng)	1 3	Sinh học (Hồng) GDKT và PL (Nga)	2 2	CĐLC Ngữ văn (Lý)	4			CĐLC Địa lý (Chung)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
BAN NHÂN DÂN
TRƯỞNG
CAO ĐANG
NÔNG NGHIỆP
THANH HOÀ

Đoàn Văn Lưu

*Đoàn Văn Lưu